

Số: 174/CNS-PHTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Tài chính doanh nghiệp.

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY CÔNG
NGHIỆP SÀI GÒN TNHH MTV**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: Năm 2020

(Số liệu báo cáo căn cứ theo Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC lập ngày 20/03/2020)

1. CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		Thực hiện 2020/Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020/Thực hiện 2019
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
	Tổng doanh thu	3.106.248	2.922.479	3.207.328	109,75%	103,25%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.028.069		3.167.476		104,60%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	31.843		35.609		111,83%
3	Thu nhập khác	46.516		4.243		9,12%
II	Tổng chi phí	2.959.537	2.772.472	2.998.766	108,16%	101,33%
1	Giá vốn hàng bán	2.697.086		2.753.502		102,09%
2	Chi phí tài chính	46.554		25.141		54,00%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>926</i>		<i>281</i>		<i>30,35%</i>
3	Chi phí bán hàng	856		2.504		292,52%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	214.118		216.773		101,24%
5	Chi phí khác	923		846		91,66%



TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm Năm 2019	Năm 2020		Thực hiện 2020/Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020/Thực hiện 2019
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	95,27%		93,50%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	6,89%		6,76%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	146,890	150.007	208.562	139,03%	141,99%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	101.297		205.165		202,54%
2	Lợi nhuận khác	45.593		3.397		7,45%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2020 đạt 109,75% so với kế hoạch, tăng 3,25% so với thực hiện năm 2019.

Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 98,76% tổng doanh thu, tăng 4,60% so với thực hiện năm 2019.

Doanh thu bán hàng tăng so với cùng kỳ năm trước do sản lượng tiêu thụ thuốc lá tăng.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 1,11% tổng doanh thu, tăng 11,83% so với thực hiện năm 2019.

Doanh thu hoạt động tài chính tăng chủ yếu là do tiền gửi ngân hàng tăng dẫn đến doanh thu từ lãi tiền gửi tăng.

+ Thu nhập khác chiếm 0,13% tổng doanh thu, giảm 90,88% so với thực hiện năm 2019.

Như vậy, doanh thu thực hiện năm 2020 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện năm 2020 bằng 108,16% kế hoạch, tăng 1,33% so với thực hiện năm 2019.

Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 91,82% tổng chi phí, tăng 2,09% so với thực hiện năm 2019.

Giá vốn hàng bán tăng so với cùng kỳ năm trước do sản lượng tiêu thụ thuốc lá tăng.

+ Chi phí tài chính chiếm 0,84% tổng chi phí, giảm 46,00% so với thực hiện năm 2019.

Chi phí tài chính giảm chủ yếu là do giảm trích lập dự phòng đầu tư tài chính vào các công ty có vốn góp.

+ Chi phí bán hàng chiếm 0,08% tổng chi phí, tăng 192,52% so với thực hiện năm 2019.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 7,23% tổng chi phí, tăng 1,24% so với thực hiện năm 2019.

+ Chi phí khác chiếm 0,03% tổng chi phí, giảm 8,34% so với thực hiện năm 2019.

Chi phí khác giảm chủ yếu do năm 2020 xử lý các khoản chi phí dở dang một số dự án ngừng thực hiện.

- Về tỷ lệ chi phí trên doanh thu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước:

+ Tổng chi phí năm 2020 chiếm 93,50% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2019 (95,27%) Tổng Công ty đã tiết giảm chi phí so với năm 2019.

+ Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 6,76% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng giảm so với thực hiện năm 2019 (năm 2019 là 6,89%). Tổng Công ty đã tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2019.

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty đạt 139,03% kế hoạch, tăng 41,99% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ TH năm 2020/ TH năm 2019
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	146.890	208.562	141,99%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	122.517	167.618	136,81%
3	Vốn chủ sở hữu (tính theo Điều 12 TT 200/2015/TT-BTC)	Triệu đồng	2.707.896	2.748.034	101,48%
4	Tổng tài sản (bình quân đầu kỳ, cuối kỳ)	Triệu đồng	3.647.811	3.689.880	101,24%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	5,42%	7,59%	139,91%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	4,52%	6,10%	134,81%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	3,36%	4,54%	135,14%

Qua bảng số liệu trên cho thấy năm 2020 Tổng Công ty có hiệu quả sử dụng vốn cao hơn năm 2019.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 31/12/2020, khả năng thanh toán nợ đến hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) của Tổng Công ty là 2,86 lần.

Khả năng thanh toán nợ đến hạn lớn hơn 1 cho thấy Tổng Công ty đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 0,35 nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Khoản 4 Điều 20 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ (*hệ số nợ phải trả không quá ba lần vốn chủ sở hữu*).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	3.588.215	3.791.554
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.838.286	2.287.100
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.749.928	1.504.444
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	51,23%	60,32%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	48,77%	39,68%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	3.588.215	3.791.544
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	813.826	966.870
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	2.774.389	2.824.674
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	22,68%	25,50%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	77,32%	74,50%

- Cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Tổng Công ty, chủ yếu là khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền (517.525 triệu đồng), đầu tư tài chính ngắn hạn (450.000 triệu đồng), hàng tồn kho (790.375 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản năm 2020 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với cùng kỳ năm trước.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2020 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp 25,50% trong tổng nguồn vốn của Tổng Công ty.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao 74,50% trong tổng nguồn vốn của Tổng Công ty.

đ. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Sau khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định, kết quả kinh doanh của Tổng Công ty có lãi, theo quy định tại Khoản 3 Điều 22 Nghị định

91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, Tổng Công ty đã bảo toàn vốn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư tài sản:

Tổng Công ty đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

- **Dự án 1:** Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất khuôn mẫu

+ Tổng mức vốn đầu tư: 506.225 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: Vốn tự có và vốn vay

+ Thời gian hoàn thành: năm 2020

+ Tiến độ thực hiện: 100%

- **Dự án 2:** Dự án đầu tư sản xuất thử nghiệm Tủ máy phát điện chạy bằng sức gió, 2 hệ cánh đồng trục.

+ Tổng mức vốn đầu tư: 270.316 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: Vốn tự có

+ Thời gian hoàn thành: Dự kiến tháng 9 năm 2021

+ Tiến độ thực hiện: 46,44%

- **Dự án 3:** Dự án đầu tư cao ốc văn phòng 322 Bến Chương Dương (số mới 552) Võ Văn Kiệt, Quận 1, TPHCM.

+ Tổng mức vốn đầu tư: 71.268 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: Vốn tự có

+ Thời gian hoàn thành: Dự kiến Quý II năm 2022

+ Tiến độ thực hiện: 46,71%

- **Dự án 4:** Dự án kiểm chứng tính thực tiễn kỹ thuật công nghệ về xử lý nước thải của Nhật Bản giúp tiết kiệm năng lượng, nhằm cải tiến khả năng xử lý nước thải ở Việt Nam.

+ Tổng mức vốn đầu tư: 10.688 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: Vốn tự có

+ Thời gian hoàn thành: năm 2018

+ Tiến độ thực hiện: 100%

- **Dự án 5:** Dự án SXTN 1: “Chế tạo đầu đọc RFID băng tần HF, UHF và thư viện hỗ trợ ứng dụng”.

+ Tổng mức vốn đầu tư: 20,282 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: Vốn tự có

+ Thời gian hoàn thành: Đang thực hiện hồ sơ thanh lý kết thúc dự án.



SỐ
TỔN
CỐ
SA
RÁCH
M
AN 4

+ Tiến độ thực hiện: 1,08%

- **Dự án 6:** Dự án SXTN 2: “Thiết kế và chế tạo thử nghiệm thiết bị và hệ thống quản lý kho hàng/nhân viên sử dụng công nghệ RFID”.

+ Tổng mức vốn đầu tư: 7.489 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: Vốn tự có

+ Thời gian hoàn thành: Đang thực hiện hồ sơ thanh lý kết thúc dự án.

+ Tiến độ thực hiện: 1,04%

- **Dự án 7:** Dự án Đầu đọc thẻ thông minh đa dụng thương hiệu CNS

+ Tổng mức vốn đầu tư: 16.516 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: Vốn tự có

+ Thời gian hoàn thành: Quý II năm 2021

+ Tiến độ thực hiện: 59,02%

- **Dự án 8:** Đề tài xây dựng tài liệu đặc tả kỹ thuật Thẻ và SAM

+ Tổng mức vốn đầu tư: 2.043 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: Vốn tự có

+ Thời gian hoàn thành: năm 2018

+ Tiến độ thực hiện: 100%

b. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, tổng số vốn huy động (Vay của tổ chức và cá nhân khác) của Tổng Công ty là 19.752 triệu đồng.

- Tổng Công ty không có các khoản bảo lãnh vay vốn đối với các công ty con.

c. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

- Tổng Công ty thực hiện đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp theo đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty đã thực hiện đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng giá trị là 976.264 triệu đồng, bao gồm:

+ Đầu tư vào 5 công ty con :521.107 triệu đồng

+ Đầu tư vào 11 công ty liên doanh liên kết :392.804 triệu đồng

+ Đầu tư dài hạn khác :62.352 triệu đồng

Trong năm 2020 Tổng công ty không có tăng giảm vốn đầu tư ra ngoài.

đ. Tình hình quản lý tài sản

- Trong năm 2020, Tổng Công ty thực hiện tăng từ dự án đầu tư hoàn thành, mua sắm tài sản cố định với tổng nguyên giá là 720 triệu đồng. Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong năm phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

Tổng Công ty thực hiện đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo đúng quy định tại Điều 23 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ.

- Trong năm 2020, Tổng Công ty không có thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

- Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng giá trị hàng tồn kho là 790.376 triệu đồng. Tổng Công ty không có các khoản hàng hóa thiếu hụt, kém, mất phẩm chất.

e. Công nợ phải thu

Tổng Công ty mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ, thường xuyên phân loại các khoản nợ phải thu (nợ chưa đến hạn thanh toán, nợ đến hạn thanh toán, nợ đã quá hạn thanh toán, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi). Đối với những khoản nợ quá hạn thanh toán, Tổng Công ty có Văn bản nhắc nhở nợ đến khách hàng, định kỳ có đối chiếu công nợ.

Căn cứ Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: Ngày 29/4/2014, Tổng Công ty đã ban hành Quy chế quản lý nợ số 39/CNS-HĐTV.

Về tình hình nợ phải thu khó đòi: Đến ngày 31/12/2020, số nợ phải thu khó đòi của Tổng Công ty là 23.450.260.452 đồng, chủ yếu là khoản nợ phát sinh do một số khách hàng không có khả năng thanh toán hoặc không chịu thanh toán, các khoản bảo lãnh các Công ty con và các khoản hỗ trợ vốn. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng 20.391.952.694 đồng, cụ thể:

- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ngọc Cẩm (Công ty Ngọc Cẩm): 260.135.360 đồng.

+ Về khoản nợ của hợp đồng số 92/07-ĐL/24BT ngày 10/10/2007 số tiền: 20.135.360 đồng.

Ngày 10/10/2007, Tổng Công Ty Công nghiệp Sài Gòn- TNHH MTV và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ngọc Cẩm đã ký kết hợp đồng số 92/07-ĐL/24BT về việc bán thuốc lá cho Công ty Ngọc Cẩm theo phương thức trả chậm 15 ngày. Khoản công nợ còn phải thu theo hợp đồng số 92/07-ĐL/24BT ngày 10/10/2007 là: 20.135.360 đồng.

Trong quá trình mua bán theo hợp đồng số 92/07-ĐL/24BT ngày 10/10/2007, Công ty Ngọc Cẩm đã không thực hiện thanh toán đúng hạn theo hợp đồng, Tổng Công ty cũng đã có các Công văn số 80/ĐN-TT ngày 05/11/2009, Công văn số 83/ĐN-TT ngày 20/11/2009, Công văn số 99/ĐN-TT ngày 21/12/2009 yêu cầu Công ty TNHH Ngọc Cẩm thanh toán khoản nợ nêu



trên. Ngày 22/12/2009, Công ty Ngọc Cẩm có Công văn bản trả lời cam kết sẽ thu xếp thanh toán vào ngày 29/12/2009. Tuy nhiên, do kinh doanh thua lỗ nên Cửa hàng Ngọc Cẩm mất khả năng thanh toán số nợ nêu trên.

+ Về khoản nợ của hợp đồng số 08/2010/KH-CNS ngày 01/01/2010 số tiền: 240.000.000 đồng.

Ngày 01/01/2010, Tổng Công Ty Công nghiệp Sài Gòn- TNHH MTV (Nhà Máy Thuốc Lá Khánh Hội) và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ngọc Cẩm đã ký kết hợp đồng số 08/2010/KH-CNS. Khoản nợ còn phải thu theo hợp đồng số 08/2010/KH-CNS ngày 01/01/2010 là: 240.000.000 đồng.

Trong quá trình mua bán theo hợp đồng số 08/2010/KH-CNS ngày 01/01/2010, Công ty Ngọc Cẩm đã không thực hiện thanh toán đúng hạn. Căn cứ các xác nhận công nợ tại ngày 31/12/2009, 31/12/2010 và 25/10/2011, Nhà máy thuốc lá Khánh Hội đã gửi các Công văn thu hồi nợ số 01/2010/KT ngày 09/04/2010, Công văn số 01/2011/KT ngày 10/06/2011, Công văn số 02/2011/KT ngày 08/09/2011, Công văn số 213/CNS-NMKH ngày 25/10/2011 yêu cầu Công ty TNHH Ngọc Cẩm thanh toán khoản nợ nêu trên. Ngày 26/10/2011, Công ty Ngọc Cẩm có Công văn số 01/CN/NC/2011 xin chậm trả trả số nợ trên và cam kết hoàn trả lại khoản nợ cho Nhà máy sớm nhất có thể nhưng tới nay Nhà máy vẫn chưa thu hồi được.

- Doanh nghiệp tư nhân Hiệp Phát: 24.112.162 đồng

+ Ngày 03/11/2005, Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn-TNHH MTV và Doanh nghiệp tư nhân Hiệp Phát đã ký kết hợp đồng số 02/05/ĐT/BT. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, Tổng Công ty ứng trước chi phí đầu tư và hướng dẫn kỹ thuật trồng thuốc lá vàng sấy cho DNTN Hiệp Phát, DNTN Hiệp Phát sẽ cung cấp thuốc lá vàng sấy cho Tổng Công ty. Khoản công nợ còn phải thu theo hợp đồng số 02/05/ĐT/BT ngày 03/11/2005 còn phải thu là: 24.112.162 đồng.

+ Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Doanh nghiệp tư nhân Hiệp Phát đã không giao đủ số lượng thuốc lá vàng sấy theo thỏa thuận. Tổng Công ty đã có Công văn đòi nợ ngày 21/11/2007 yêu cầu Doanh nghiệp tư nhân Hiệp Phát trả nợ. Tuy nhiên tới nay, Tổng Công ty chưa thể thu hồi được số tiền trên. Từ cuối năm 2008, Tổng Công ty đã không liên lạc được với DNTN Hiệp Phát.

- Công ty TNHH Ngọc Thu: 231.191.886 đồng

+ Ngày 03/11/2005, Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn-TNHH MTV và Công ty TNHH Ngọc Thu đã ký kết hợp đồng số 01/05/ĐT/BT. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, Tổng Công ty ứng trước chi phí đầu tư và hướng dẫn kỹ thuật trồng thuốc lá vàng sấy cho Công ty TNHH Ngọc Thu, Công ty TNHH Ngọc Thu sẽ cung cấp thuốc lá vàng sấy cho Tổng Công ty. Khoản công nợ còn phải thu theo hợp đồng số 01/05/ĐT/BT ngày 03/11/2005 còn phải thu là: 231.191.886 đồng.

+ Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH Ngọc Thu đã không giao đủ số lượng thuốc lá vàng sấy theo thỏa thuận. Tổng Công ty đã có

Công văn đòi nợ ngày 29/08/2007, 21/11/2007 yêu cầu Công ty TNHH Ngọc Thu trả nợ. Ngày 04/09/2008, theo biên bản cam kết trả nợ ông Nguyễn Quốc Sanh (Giám đốc công ty Ngọc Thu) đã cam kết sẽ thanh toán số tiền: 231.191.886 đồng trong thời gian sớm nhất. Ngày 14/10/2008, Tổng Công ty đã có đơn khởi kiện gửi đến tòa án nhân dân Huyện Bến Cầu- Tỉnh Tây Ninh đối với ông Nguyễn Quốc Sanh (Giám đốc công ty Ngọc Thu). Ngày 30/12/2008, theo giấy xác nhận của công an xã Long Giang, Huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh gửi đến tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xác nhận ông Nguyễn Quốc Sanh đã không còn đăng ký tạm trú nữa và bỏ đi nơi khác không rõ địa chỉ. Từ cuối năm 2008, Tổng Công ty không liên hệ được với Công ty Ngọc Thu. Khoản nợ còn phải thu theo hợp đồng số 01/05/ĐT/BT ngày 03/11/2005 là 231.191.886 đồng.

- Doanh nghiệp tư nhân Mai Trang: 16.758.000 đồng:

+ Ngày 22/10/2007, Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn-TNHH MTV (Nhà máy Thuốc lá Bến Thành) và Doanh nghiệp tư nhân Mai Trang đã ký kết hợp đồng số 94/07-ĐL/16CL về việc bán thuốc lá theo phương thức trả chậm 15 ngày. Khoản công nợ còn phải thu theo hợp đồng số 94/07-ĐL/16CL ngày 22/10/2007 là: 16.758.000 đồng

+ Trong quá trình thực hiện hợp đồng số 94/07-ĐL/16CL ngày 22/10/2007, DNTN Mai Trang đã không thực hiện thanh toán đúng hạn theo hợp đồng. Căn cứ xác nhận công nợ ngày 31/12/2009 giữa hai bên, Tổng Công ty đã nhiều lần có Văn bản yêu cầu DNTN Mai Trang trả nợ cụ thể: Công văn số 76/CNS-NMBT ngày 07/10/2011 và Công văn số 889/CNS-BT ngày 17/10/2011, tuy nhiên tới nay, Tổng Công ty vẫn chưa thể thu hồi được số nợ nêu trên.

- Công ty TNHH An Gia An: 49.859.997 đồng:

+ Ngày 17/03/2014, Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn-TNHH MTV (Nhà máy CNS Thạnh Phát) và Công ty TNHH An Gia An đã ký kết hợp đồng số 01/2014/CNP về việc cung cấp cửa nhựa uPVC theo phương thức trả chậm 15 ngày cho Công ty TNHH An Gia An. Khoản nợ theo hợp đồng số 01/2014/CNP ngày 17/03/2014 là: 49.859.997 đồng.

+ Trong quá trình mua bán theo hợp đồng số 01/2014/CNP ngày 17/03/2014, Công ty An Gia An đã không thực hiện thanh toán theo đúng thời hạn hợp đồng. Căn cứ xác nhận công nợ giữa hai bên ngày 30/06/2015 về khoản nợ theo hợp đồng số 01/2014/CNP ngày 17/03/2014, Tổng Công ty đã làm việc yêu cầu Công ty TNHH An Gia An thanh toán khoản nợ nêu trên, Tổng Công ty đã nhiều lần đến trụ sở Công ty TNHH An Gia An để thu hồi nợ nhưng không có người tại địa chỉ này. Tới nay, khoản công nợ 49.859.997 đồng theo hợp đồng số 01/2014/CNP ngày 17/03/2014 vẫn chưa được thu hồi

- Các khoản nợ phải thu khác: 596.666.469 đồng

+ Khoản nợ ghi nhận theo số liệu của Công ty Điện tử tin học Sài Gòn khi sáp nhập về làm Trung tâm nghiên cứu Phần mềm SSP của Tổng Công ty năm



8-C
TY
HỆP
ON
HỮU HẠN
VIÊN
CHÍNH

2012, các khoản nợ này chủ yếu từ việc bán phần mềm và cung cấp dịch vụ phần mềm. Do Tổng Công ty không còn duy trì đối với mảng kinh doanh này nên các sản phẩm phần mềm cung cấp cho khách hàng còn dở dang và chưa thể thu hồi các khoản nợ này.

- Công ty Cổ phần SAHABAK: 7.943.208.333 đồng

+ Ngày 13/01/2014, CNS và Công ty Cổ Phần Sahabak ký Hợp đồng vay số 014/CNS-TCKT4, theo đó:

- CNS cho Công ty Cổ phần SAHABAK vay số tiền 5 tỷ đồng.
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.
- Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày nhận nợ.
- Lãi suất vay trong hạn: 13%/năm.
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

+ Ngày 14/01/2014, CNS có Ủy nhiệm chi số tiền 5.000.000.000 đồng cho Sahabak.

+ Tổng Công ty đã nhiều lần có văn bản đề nghị Sahabak hoàn trả số tiền hỗ trợ vốn nêu trên. Tính đến thời điểm 31/12/2020, Số tiền nợ gốc và lãi phát sinh quá hạn thanh toán theo hợp đồng 014/CNS-TCKT Sahabak còn phải trả cho Tổng Công ty là 7.943.208.333 đồng, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng khoản nợ nêu trên bao gồm (nợ gốc: 5.000.000.000 đồng, và khoản lãi phát sinh từ năm 2013 đến 2016 là 2.943.208.333 đồng).

- Công ty cổ phần Chi sợi cao su V.R.G SA DO: 9.446.312.871 đồng

+ Về khoản cho vay theo hợp đồng 082/HĐ-CNS ngày 21/4/2017:

Do tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần chi sợi cao su V.R.G SA DO gặp nhiều khó khăn, thiếu vốn lưu động. Tổng Công ty đã cho SADO vay số tiền 6.342.005.510 đồng theo hợp đồng 082/HĐ-CNS ngày 21/4/2017.

Tổng Công ty đã nhiều lần có văn bản đề nghị Sa Do hoàn trả số tiền vay nêu trên. Tính đến thời điểm 31/12/2020, Số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng vay số 082/HĐ-CNS ngày 21/4/2017 Sa Do còn phải trả cho Tổng Công ty là 6.437.464.386 đồng, trong đó khoản nợ vay phát sinh đã quá hạn thanh toán trích lập dự phòng là: 5.502.505.510 đồng

+ Về khoản vay bảo lãnh theo hợp đồng 336/HĐ-CNS ngày 26/10/2018:

Tại thời điểm 7/2018, SADO đã bị mất cân đối về tài chính, gặp rất nhiều khó khăn và chậm trễ trong việc trả lãi vay. Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Đồng Nai có Công văn số 486/DON-KHDN ngày 13/8/2018 đề nghị CNS và DONARUCO thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vốn vay Dự án cho SADO. Ngày 26/10/2018, CNS và SADO có Hợp đồng số 336/HĐ-CNS ghi nhận việc CNS

thanh toán thay cho SADO khoản nợ vay, lãi vay 5 tháng cuối năm 2018 với số tiền: 7.887.614.720 đồng.

Tổng Công ty đã nhiều lần có văn bản đề nghị Sa Do hoàn trả số tiền bảo lãnh nêu trên. Tính đến thời điểm 31/12/2020, Số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng 336/HĐ-CNS ngày 26/10/2018 là: 9.312.010.441 đồng, trong đó khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán trích lập dự phòng là: 3.943.807.361 đồng.

f. Công nợ phải trả

Tổng Công ty đã ban hành và thực hiện Quy chế quản lý nợ theo đúng quy định tại Nghị định số 206/NĐ-CP.

Tổng Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn hợp đồng.

Các khoản nợ phải trả đã quá hạn thanh toán: Tổng công ty không có các khoản nợ phải trả đã quá hạn

Tổng Công ty đã chấp hành đúng quy định về thu nộp thuế và các khoản nộp Ngân sách nhà nước.

Việc sử dụng và thời gian hoàn trả các khoản vay, tạm ứng của ngân sách nhà nước: Tổng Công ty không có các khoản vay, tạm ứng của ngân sách nhà nước

Các số phát sinh tăng/giảm đột biến: Tổng Công ty không có khoản phát sinh tăng giảm đột biến.

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

a. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và chấp hành các quy định về chính sách thuế:

Tổng Công ty có số phát sinh số phải nộp ngân sách nhà nước năm 2020 là 2.500.336 triệu đồng, đạt 115,71% kế hoạch, tăng 12,3% so với thực hiện năm 2019.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, các khoản phải nộp ngân sách chưa đến hạn nộp là 197.563 triệu đồng. Bao gồm:

+ Thuế GTGT:	14.615 triệu đồng
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt:	182.797 triệu đồng
+ Thuế nhà đất và tiền thuê đất :	45 triệu đồng
+ Các loại thuế khác:	106 triệu đồng

Đến 20/01/2021, Tổng Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước đầy đủ.

Trong năm 2020, Tổng Công không có quyết định xử phạt về thuế.

b. Tình hình thực hiện các chính sách tiền lương:

Trong năm 2020, Tổng Công ty không bị xử lý vi phạm hành chính trong việc chấp hành pháp luật về lao động, tiền lương.



c. Tình hình chấp hành pháp luật trong lĩnh vực khác:

Không có

1.5. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan có liên quan:

- Trong năm 2020, Tổng Công ty đã thực hiện đầy đủ chỉ đạo chung và chỉ đạo cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. KẾT LUẬN:

- Trong năm 2020, Tổng Công ty có chỉ tiêu Doanh thu hoàn thành đạt 109,75% so với kế hoạch, tăng 3,25% so với cùng kỳ năm trước; Lợi nhuận đạt 139,03% so với kế hoạch, tăng 41,99% so với cùng kỳ năm trước; Nộp ngân sách nhà nước đạt 115,71% so với kế hoạch, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm trước.

- Tổng Công ty chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, chính sách, chế độ hiện hành của nhà nước đối với doanh nghiệp.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính

- Mất an toàn về tài chính

NGƯỜI LẬP BIỂU



Võ Thị Hoài Hạnh

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Phương Đông